

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Văn Hên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:***  
Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ong Thị Y, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện L, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoài N, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 27/1, đường K, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 02/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Ong Thị Y trình bày:* Bà và ông Trần Hoài N chung sống với nhau từ năm 2005, đến ngày 15/5/2006 thì được Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Kiên Lương cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn thì bà và ông N sống bên gia đình chồng tại khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do ông N có người phụ nữ bên ngoài, không quan tâm đến cuộc sống vợ con, bà đã cho ông N nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông N không sửa đổi, tháng 12/2020 bà làm đơn xin ly hôn. Qua sự động viên phân tích của Tòa án bà đã rút lại đơn khởi kiện

nhưng ông N vẫn còn có người phụ nữ bên ngoài nên bà tiếp tục làm đơn xin ly hôn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Hoài N.

Về con chung: Có một đứa con tên Trần Kim Bảo N, sinh ngày 23/3/2005, giới tính nữ, hiện nay đang sống cùng với bà. Ly hôn bà nuôi xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông Nghĩa cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông N đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Trần Hoài N trình bày:* Ông và bà Y chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Kiên Lương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2006. Trong quá trình chung sống tại Hà Tiên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do ông thường hay rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống vợ con. Bà Y xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một đứa con tên Trần Kim Bảo N, sinh ngày 23/3/2005, giới tính nữ đang sống cùng với bà Y. Ly hôn ông xin được nuôi con và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà Y đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân bà Y và ông N chung sống với nhau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông bà đã ly thân không còn yêu thương chăm sóc nhau nữa, xét thấy hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Y xin ly hôn ông N đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y. Về con chung ông bà có một đứa con tên Trần Kim Bảo N, sinh ngày 23/3/2005, giới tính nữ hiện nay đang sống cùng với bà Y, ly hôn ông N xin được nuôi con nhưng theo nguyện vọng của con thì xin được ở cùng với bà Y nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bà Y tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, ghi nhận ý kiến của bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét, giải quyết; Về nợ chung ông bà trình bày không có nên không xem xét, giải quyết; Về án phí bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Trần Hoài N cư trú tại khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về hôn nhân: Ông N và bà Y chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Kiên Lương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01, ngày 15/5/2006, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau được một khoảng thời gian thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, ông bà đã ly thân không còn yêu thương chăm sóc cho nhau nữa, đã bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Y làm đơn xin ly hôn ông N đồng ý ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Ông bà có một đứa con tên Trần Kim Bảo N, sinh ngày 23/3/2005, giới tính nữ. Tại phiên tòa, bà Y xin được tiếp tục nuôi con và ông N cũng xin được nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay cháu N đều do bà Y chăm sóc nuôi dưỡng, ông bà ly hôn thì cháu N có nguyện vọng sống cùng với bà Y. Do đó, cần giao con cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận ý kiến của bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Ong Thị Kim Y được ly hôn với ông Trần Hoài N.
2. Về nuôi con chung: Giao con tên Trần Kim Bảo N, sinh ngày 23/3/2005, giới tính nữ cho bà Ong Thị Kim Y nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.
3. Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Bà Ong Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003532 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên bà không phải nộp thêm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- UBND xã Bình An, huyện Kiên Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mạc Văn Hên**